

(Dự thảo lần thứ hai)

LUẬT

An toàn, vệ sinh lao động

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
Quốc hội ban hành Luật an toàn, vệ sinh lao động.*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và các bên liên quan trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; điều kiện an toàn, vệ sinh tại nơi làm việc; phòng ngừa và khắc phục sự cố, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; các chế độ, chính sách và thông tin, tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động và quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động Việt Nam và những người khác tham gia lao động được quy định tại Luật này.
2. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
3. Người sử dụng lao động.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. *Cơ sở sản xuất kinh doanh* là đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức khác có tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh
2. *Người lao động* là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và đang có việc làm.
3. *Người lao động có quan hệ lao động* là người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.
4. *Người lao động không có quan hệ lao động* là người lao động nhưng không thuộc nhóm người lao động có quan hệ lao động

5. *Người sử dụng lao động* là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; nếu là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

6. *An toàn, vệ sinh lao động*: là tổng thể các hoạt động đồng bộ trên các mặt pháp luật, tổ chức quản lý, kinh tế xã hội, khoa học - công nghệ nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho con người trong lao động.

7. *Kỹ thuật an toàn*: là một hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm bảo vệ người lao động khỏi tác động của các yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động.

8. *Kỹ thuật vệ sinh*: là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức, vệ sinh và kỹ thuật vệ sinh nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong lao động, sản xuất đối với người lao động.

9. *Điều kiện lao động*: là tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kinh tế, kỹ thuật được biểu hiện thông qua các công cụ và phương tiện lao động, đối tượng lao động, quá trình công nghệ, môi trường lao động và sự sắp xếp, bố trí chúng trong không gian và thời gian, sự tác động qua lại của chúng trong mối quan hệ với người lao động tại nơi làm việc, tạo nên một điều kiện nhất định cho con người trong quá trình lao động. Tình trạng tâm sinh lý của con người trong khi lao động tại nơi làm việc được coi như một yếu tố gắn liền với điều kiện lao động.

10. *Môi trường lao động*: là phạm vi không gian gắn với quá trình lao động trong đó thể hiện đối tượng lao động, phương tiện, tổ chức lao động và các yếu tố kinh tế, xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình lao động.

11. *Nguy cơ*: là khả năng tiềm ẩn gây nên sự cố nguy hiểm cho quá trình sản xuất, tác hại sức khỏe tính mạng của người lao động trong quá trình lao động.

12. *Rủi ro*: Tai nạn, bệnh tật, sự cố không mong đợi, ngoài ý muốn đã xảy ra.

13. *Yếu tố nguy hiểm* là những yếu tố có nguy cơ làm chấn thương hoặc chết người, gây tai nạn lao động.

14. *Yếu tố có hại* là những yếu tố có nguy cơ làm giảm sức khỏe người lao động, gây bệnh nghề nghiệp.

15. *Sự cố* là việc ngừng làm việc hoặc làm việc không bình thường có thể dẫn đến mất an toàn, tai nạn lao động, cháy nổ.

16. *Sự cố nghiêm trọng*: là sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản hoặc đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người.

17. *Tần suất tai nạn lao động*: Số người bị tai nạn lao động tính trên 1000 người lao động trong một đơn vị thời gian.

Điều 4. Chính sách của nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

1. Bảo vệ quyền được làm việc trong điều kiện đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động của người lao động; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới; bảo vệ lao động là

người khuyết tật, lao động chưa thành niên, người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm sự ổn định sản xuất kinh doanh khi tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp xảy ra.

3. Đầu tư và khuyến khích các tổ chức, cá nhân và người sử dụng lao động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm cải thiện điều kiện lao động, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

4. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

5. Hội nhập quốc tế, phù hợp với các điều ước, thoả thuận quốc tế về công nhận, thừa nhận lẫn nhau và hỗ trợ kỹ thuật, chuyên gia trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

6. Khuyến khích, tạo điều kiện cho hội, hiệp hội, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động.

7. Tăng đầu tư, đa dạng các hình thức, phương thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người lao động, người sử dụng lao động và toàn thể nhân dân về lao động an toàn, vệ sinh và ý thức, trách nhiệm của người sử dụng lao động về bảo đảm an toàn, vệ sinh đối với người lao động.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý an toàn, vệ sinh lao động

1. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến lao động, sản xuất.

2. Người sử dụng lao động phải chịu trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. Quản lý an toàn, vệ sinh lao động phải trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân công bố áp dụng.

4. Quản lý an toàn, vệ sinh lao động phải được thực hiện trong suốt quá trình lao động, sản xuất trên cơ sở phân tích, quản lý nguy cơ, rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Quản lý an toàn, vệ sinh lao động phải bảo đảm phân công, phân cấp rõ ràng và có sự phối hợp liên ngành.

Điều 6. Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động

1. Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, làm nhiệm vụ tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng chính sách pháp luật, chiến lược và phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Thành phần của Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

b) Các thành viên của Hội đồng: là đại diện Lãnh đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, các Bộ quản lý chuyên ngành, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Tổ chức đại diện người sử dụng lao động, các cơ quan, tổ chức liên quan và một số nhà khoa học.

Điều 7. Chương trình an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính phủ quyết định Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Chương trình an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 8. Thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc và tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

2. Nội dung an toàn, vệ sinh lao động phải được đưa vào chương trình giảng dạy, đào tạo của các cấp giáo dục.

3. Tuần lễ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ được tổ chức hàng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tham gia cùng với các cơ quan nhà nước thực hiện thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động đến người lao động không có quan hệ lao động.

Điều 9. Thi đua, khen thưởng về an toàn, vệ sinh lao động

1. Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Tổ chức, phát động các phong trào thi đua làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động; hướng dẫn tổ chức ký cam kết thi đua trong doanh nghiệp;

b) Tổng kết, khen thưởng hàng năm, đột xuất về an toàn, vệ sinh lao động, mô hình làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, các sáng kiến cải thiện điều kiện lao động mang lại hiệu quả kinh tế, chất lượng và đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động thuộc phạm vi bộ, ngành, doanh nghiệp.

2. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan tổ chức tổng kết, khen thưởng cấp quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và sáng kiến cải thiện điều kiện lao động.

Điều 10. Xử lý vi phạm pháp luật về an toàn lao động

Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM

VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

MỤC I

QUYỀN, NGHĨA VỤ

VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

1. Quyền của người lao động

- a) Được làm việc trong điều kiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;
- b) Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình; không tiếp tục làm công việc đó hoặc không trở lại nơi làm việc đó nếu nguy cơ chưa được khắc phục mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động;
- c) Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng lao động vi phạm quy định của Nhà nước hoặc không thực hiện đúng các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể;
- d) Được cấp cứu, điều trị, phục hồi chức năng lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Nghĩa vụ của người lao động

- a) Chấp hành các quy định, quy trình, nội quy về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao và giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động;
- b) Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động nơi làm việc;
- c) Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm; kịp thời tham gia sơ cứu, cấp cứu; tham gia khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động

1. Quyền của người sử dụng lao động:

- a) Buộc người lao động phải chấp hành các quy định, chỉ dẫn về an toàn, vệ sinh lao động khi làm việc;
- b) Khen thưởng người thực hiện tốt quy định về an toàn, vệ sinh lao động và xử lý kỷ luật những người vi phạm;
- c) Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các quyết định của thanh tra Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

a) Bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và các yếu tố đó phải được định kỳ kiểm tra, đo lường;

b) Bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nhà xưởng đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động hoặc đạt các tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc đã được công bố, áp dụng.

c) Đánh giá rủi ro tại nơi làm việc; xây dựng và thực hiện các biện pháp loại trừ, giảm thiểu các yếu tố nguy hiểm, có hại, tổ chức cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động;

d) Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động;

đ) Tổ chức khám sức khỏe, bố trí công việc phù hợp sức khỏe của người lao động; tổ chức giám định suy giảm khả năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp sau khi đã được điều trị ổn định;

e) Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động; hướng dẫn các quy định về an toàn, vệ sinh lao động cho người đến thăm quan, làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở thuộc phạm vi quản lý của người sử dụng lao động.

g) Bố trí kinh phí, cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

h) Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động;

i) Lấy ý kiến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở khi xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 13. Trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp cho thuê lại lao động

1. Bên thuê lại lao động có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động đến làm việc thông qua một hợp đồng cho thuê lại lao động, như đối với người lao động của cơ sở.

2. Trách nhiệm của bên cho thuê lại lao động:

a) Trang bị cho người lao động kiến thức, năng lực, kỹ năng an toàn, vệ sinh lao động theo yêu cầu của bên thuê lao động;

b) Yêu cầu và giám sát bên thuê lại lao động thực hiện các chế độ và biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động.

3. Người lao động đến làm việc tại một cơ sở lao động theo hợp đồng cho thuê lại lao động, phải tuân thủ nội quy, quy trình và biện pháp an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc của cơ sở thuê lại lao động.

4. Trường hợp người thuê lại lao động hoặc người lao động vi phạm Luật này hoặc văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới công việc, người thuê lại lao động hoặc người lao động có quyền yêu cầu khắc phục vi phạm đó.

MỤC II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 14. Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

1. Người sử dụng lao động phải bố trí cán bộ hoặc thành lập bộ phận trực tiếp quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Quy mô của bộ phận an toàn, vệ sinh lao động theo quy định sau:

a) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có tổng số lao động dưới 300 người phải bố trí ít nhất 01 cán bộ an toàn, vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm;

b) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có số lao động từ 300 đến 1.000 người phải bố trí ít nhất 01 cán bộ an toàn, vệ sinh lao động làm việc theo chế độ chuyên trách;

c) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có tổng số lao động trên 1.000 người phải thành lập Phòng an toàn, vệ sinh lao động hoặc bố trí tối thiểu 2 cán bộ chuyên trách an toàn, vệ sinh lao động.

d) Riêng các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khai thác khoáng sản, xây dựng, hóa chất, dầu khí, nhà máy điện, truyền tải điện, luyện kim, đóng và sửa chữa tàu biển, công trình khí, xăng dầu thì được xác định theo quy mô sau:

- Có từ 10 đến 49 lao động phải bố trí ít nhất 01 cán bộ an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách;

- Có từ 50 đến 300 lao động phải bố trí ít nhất 01 cán bộ an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách;

- Có trên 300 lao động người phải thành lập bộ phận an toàn, vệ sinh lao động.

3. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 300 lao động hoặc cơ sở lao động trong các lĩnh vực tại Điểm d, Khoản 2 Điều này có dưới 50 lao động mà không bố trí người hoặc thành lập được bộ phận an toàn, vệ sinh lao động đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này thì phải thuê các tổ chức dịch vụ có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ an toàn, vệ sinh lao động theo quy định Khoản 5 Điều này.

4. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn, nghiệp vụ thuộc một trong những lĩnh vực sau: kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động; kỹ thuật phòng, chống cháy nổ; kỹ thuật môi trường, vệ sinh lao động;

b) Có hiểu biết về thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ của cơ sở.

5. Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho người sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện các hoạt động an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở, gồm:

a) Tổ chức xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ trong cơ sở lao động;

b) Quản lý theo dõi việc kiểm định các máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm và đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch;

d) Tổ chức đánh giá nguy cơ, rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và tổ chức diễn tập định kỳ;

đ) Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn, vệ sinh lao động;

e) Thông tin về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho người lao động;

g) Tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động;

h) Kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động;

i) Kiểm tra môi trường lao động; theo dõi tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

k) Tổ chức đo lường các yếu tố có hại tại nơi làm việc.

Điều 15. Bộ phận y tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

1. Người sử dụng lao động phải bố trí người hoặc thành lập bộ phận y tế chịu trách nhiệm về các vấn đề chuyên môn liên quan đến quản lý sức khỏe của người lao động.

2. Quy mô của bộ phận y tế tại cơ sở theo quy định tối thiểu sau:

a) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có tổng số lao động trực tiếp từ 300 đến 1.000 người thì phải có ít nhất 01 nhân viên y tế có trình độ trung học chuyên ngành y;

b) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có tổng số lao động trực tiếp trên 1.100 người cùng làm việc trên địa bàn thì phải tổ chức trạm y tế hoặc phòng y tế có ít nhất 01 kỹ thuật viên y tế hoặc 01 bác sỹ đa khoa;

c) Riêng các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khai thác khoáng sản, xây dựng, hóa chất, dầu khí, nhà máy điện, truyền tải điện, luyện

kim, đóng và sửa chữa tàu biển, công trình khí, xăng dầu thì được xác định theo quy mô sau:

- Có từ 50 đến 300 người lao động phải bố trí ít nhất 01 nhân viên y tế có trình độ trung học chuyên ngành y;

- Có trên 300 người lao động thì phải tổ chức trạm y tế hoặc phòng (ban) y tế có ít nhất 01 kỹ thuật viên y tế hoặc 01 bác sỹ đa khoa.

3. Trường hợp doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không thành lập được bộ phận y tế theo quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc là cơ sở lao động có tổng số lao động trực tiếp dưới 300 người hoặc cơ sở lao động trong các lĩnh vực tại Điểm c, Khoản 2 Điều 13 có dưới 50 lao động thì phải có hợp đồng dịch vụ chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế đủ năng lực theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 16. An toàn - vệ sinh viên

1. Mỗi tổ sản xuất trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phải có ít nhất 01 an toàn - vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc.

2. An toàn - vệ sinh viên phải là người lao động trực tiếp, am hiểu nghiệp vụ (chuyên môn và kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động), nhiệt tình và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn - vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.

3. An toàn - vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc người đại diện tập thể người lao động.

4. Người sử dụng lao động ra quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn - vệ sinh viên.

5. An toàn - vệ sinh viên có nhiệm vụ:

a) Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong phòng, khoa, tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, trưởng phòng, trưởng khoa, đội trưởng, quản đốc chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị.

c) Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, các biện pháp, phương án làm việc an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi phòng, khoa, tổ, đội, phân xưởng; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở phòng, khoa, tổ, đội, phân xưởng.

d) Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những hiện tượng thiếu an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

6. Quyền hạn của An toàn - vệ sinh viên

a) Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên; riêng đối với an toàn - vệ sinh viên trong tổ, đội, phân xưởng sản xuất được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ đó và được hưởng phụ cấp trách nhiệm như tổ trưởng sản xuất.

b) Đề nghị tổ trưởng yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động.

c) Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động do công đoàn và người sử dụng lao động phối hợp tổ chức.

Điều 17. Hội đồng bảo hộ lao động

1. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có tổng số lao động trực tiếp trên 50 người hoặc cơ sở lao động có tổng số lao động trực tiếp trên 300 người thì phải thành lập Hội đồng bảo hộ lao động.

Khuyến khích các cơ sở lao động còn lại thành lập Hội đồng bảo hộ lao động nếu đủ điều kiện để hoạt động.

2. Hội đồng bảo hộ lao động ở cơ sở lao động là tổ chức phối hợp, tư vấn về các hoạt động an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở lao động và để bảo đảm quyền được tham gia và kiểm tra giám sát về công tác bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn.

3. Số lượng thành viên Hội đồng bảo hộ lao động tùy thuộc vào số lượng lao động và quy mô của cơ sở nhưng phải bảo đảm các quy định sau:

- a) Đại diện người sử dụng lao động làm Chủ tịch Hội đồng;
- b) Đại diện của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động nơi chưa có tổ chức công đoàn làm Phó chủ tịch Hội đồng;
- c) Cán bộ an toàn, vệ sinh lao động của cơ sở là ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng;
- d) Nhân viên y tế hoặc người quản lý về chăm sóc sức khỏe của doanh nghiệp, cơ sở.

Tùy đặc điểm, điều kiện thực tế của cơ sở lao động, Hội đồng bảo hộ lao động có thể có thêm các thành viên khác có liên quan.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng bảo hộ lao động

a) Tham gia, tư vấn với người sử dụng lao động và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động và các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp của cơ sở lao động;

b) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c) Trong kiểm tra, nếu phát hiện thấy nguy cơ mất an toàn, có quyền yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện các biện pháp khắc phục.

CHƯƠNG III AN TOÀN, VỆ SINH TẠI NƠI LÀM VIỆC

MỤC I CÁC YÊU CẦU VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 18. Yêu cầu an toàn, vệ sinh lao động đối với nhà xưởng, nơi làm việc

1. Khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các nhà xưởng, nơi làm việc thì chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải tuân thủ đầy đủ pháp luật về xây dựng và lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhà xưởng, nơi làm việc phải được thiết kế, xây dựng phù hợp các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động .

3. Phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động phải có các nội dung chính sau đây:

a) Nêu rõ những yếu tố nguy hiểm, có hại, sự cố có thể phát sinh trong quá trình hoạt động;

b) Các biện pháp quản lý, kỹ thuật, tổ chức và trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cụ thể nhằm loại trừ, giảm thiểu các yếu tố nguy hiểm, có hại; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp;

c) Nêu rõ khoảng cách an toàn từ công trình, cơ sở đến khu dân cư và các công trình khác; khoảng cách an toàn giữa các đối tượng.

4. Cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng mới, mở rộng, cải tạo công trình và các cơ sở có trách nhiệm phê duyệt phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho từng loại dự án theo thẩm quyền.

5. Người sử dụng lao động phải trang bị đầy đủ các phương tiện để che chắn các bộ phận dễ gây nguy hiểm của máy, thiết bị, nơi làm việc; Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng;

Điều 19. Yêu cầu an toàn, vệ sinh lao động đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

1. Nhà sản xuất, chế tạo các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải chứng nhận sản phẩm của mình phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng về an toàn, vệ sinh lao động trước khi đưa ra thị trường.

2. Việc lắp đặt, nâng cấp, sửa chữa các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải được thực hiện bởi nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ đủ điều kiện.

3. Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động sản xuất, chế tạo, lắp đặt các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Điều 20. An toàn, vệ sinh lao động khi làm việc với hoá chất nguy hiểm

1. Người sử dụng phải thông tin đầy đủ về các hóa chất được sử dụng tại nơi làm việc; nguy cơ, rủi ro đối với sức khỏe của người lao động và môi trường, các biện pháp phòng ngừa và niêm yết các thông tin đó tại nơi làm việc.

2. Người sử dụng lao động phải tiến hành quản lý các hóa chất, tác nhân vật lý và các tác nhân khác có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe đối với người lao động theo quy định của pháp luật về hóa chất.

3. Cơ sở sản xuất, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Người lao động phải sử dụng phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc với hóa chất nguy hiểm.

Điều 21. Chỉ dẫn, cảnh báo an toàn

Nơi làm việc, nơi đặt máy, thiết bị, hóa chất nguy hiểm phải có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn về an toàn, vệ sinh lao động và phương áp xử lý sự cố đặt ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

Điều 22. Tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động.

1. Người sử dụng lao động căn cứ tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động để xây dựng quy trình, nội quy làm việc an toàn, vệ sinh với từng loại máy, thiết bị, vật tư, các chất và nơi làm việc.

2. Việc sản xuất, chế tạo, nhập khẩu, sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, các chất và phương tiện bảo vệ cá nhân phải đảm bảo phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tương ứng.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, ban hành và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Các Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động đối với các lĩnh vực đặc thù sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương phù hợp với đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về môi trường, địa lý, khí hậu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sau khi được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

MỤC II

PHÒNG NGỪA TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 23. Nội dung đánh giá rủi ro về an toàn, vệ sinh tại nơi làm việc

1. Xác định các yếu tố nguy hiểm, có hại;

2. Đánh giá mức độ nghiêm trọng, khả năng xảy ra sự cố, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

3. Đề xuất các biện pháp, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó

Điều 24. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố

1. Chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải tổ chức xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố và định kỳ tổ chức diễn tập.

2. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố phải có các nội dung sau:

a) Thông tin về đặc tính, khối lượng, công nghệ sản xuất, đặc điểm điều kiện địa lý, dân cư, môi trường nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Dự báo các nguy cơ gây ra sự cố và kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ sự cố.

c) Dự báo tình huống xảy ra sự cố và các giải pháp phòng ngừa.

d) Năng lực ứng phó sự cố bao gồm trang thiết bị, nhân lực, kế hoạch phối hợp với các lực lượng tại địa phương, kế hoạch sơ tán người, tài sản.

đ) Phương án khắc phục hậu quả sự cố theo quy định của pháp luật.

e) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, hệ thống báo cáo khi xảy ra tình huống sự cố, tai nạn tại nơi làm việc;

g) Định kỳ diễn tập, chi phí liên quan và trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân liên quan trong tổ chức diễn tập xử lý sự cố khẩn cấp.

Điều 25. Đình chỉ hoạt động sản xuất

1. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, người phụ trách bộ phận sản xuất tại cơ sở phải quyết định đình chỉ hoạt động khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nơi mình phụ trách để thực hiện các biện pháp khắc phục, đồng thời phải báo cáo sự việc với người sử dụng lao động.

2. Thanh tra An toàn, vệ sinh lao động có quyền đình chỉ việc sử dụng máy, thiết bị, nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường lao động, sự cố nghiêm trọng có thể xảy ra nếu không được đình chỉ hoạt động và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Người sử dụng lao động không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc bị đình chỉ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều này nếu các nguy cơ chưa được khắc phục.

Điều 26. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

1. Người làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, có hại thì được người sử dụng lao động trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

2. Người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa các yếu tố nguy hiểm, độc hại và cải thiện điều kiện lao động trước khi trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

3. Việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân bảo đảm các nguyên tắc:

a) Trang cấp đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

b) Không được phát tiền thay cho việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc giao tiền cho người lao động tự đi mua;

c) Phải hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với các phương tiện bảo vệ cá nhân sử dụng ở những nơi đơ bẩn, dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ sau khi sử dụng.

4. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quy định chi tiết chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

Điều 27. Tổ chức dự phòng cấp cứu

1. Nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại dễ gây tai nạn lao động thì tùy theo tính chất, khả năng gây hại để tổ chức lực lượng cấp cứu chuyên trách hoặc bán chuyên trách.

2. Lực lượng cấp cứu phải được trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời và phải được huấn luyện.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc tổ chức lực lượng cấp cứu và trang bị phương tiện y tế cho lực lượng cấp cứu.

Điều 28. Tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động phải quy định và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở lao động theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Người sử dụng lao động phải tổ chức việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn và tổ chức đại diện người lao động trong quá trình kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động.

3. Qua kiểm tra, cơ sở phải tự đánh giá được thực trạng về điều kiện lao động và việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 29. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động

1. Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động đồng thời phải xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

2. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động phải bao gồm nội dung, biện pháp, kinh phí, thời gian hoàn thành, phân công tổ chức thực hiện. Nội dung của kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động ít nhất phải có các thông tin sau:

- a) Các biện pháp kỹ thuật an toàn lao động;
- b) Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ môi trường;
- c) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;
- d) Chăm sóc sức khỏe người lao động;
- đ) Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

MỤC III

HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 30. Đối tượng huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Người sử dụng lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm tra, cấp chứng nhận do tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thực hiện.

2. Người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động khi tuyển dụng và sắp xếp lao động.

3. Người lao động có quan hệ lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm tra sát hạch và được cấp chứng chỉ an toàn.

4. Người lao động không có quan hệ lao động khi vận hành các máy, thiết bị có yêu cầu có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thì phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm tra sát hạch và được cấp chứng chỉ do tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thực hiện.

5. Cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm tra, sát hạch và được cấp chứng chỉ do tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thực hiện.

Điều 31. Thời gian và chương trình huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Thời gian huấn luyện lần đầu tối thiểu như sau:

- a) Người sử dụng lao động: 24 giờ;
- b) Người lao động: 24 giờ;
- c) Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động: 32 giờ;

d) Cán bộ an toàn, vệ sinh lao động: 80 giờ

2. Thời gian huấn luyện định kỳ như sau:

- a) Người sử dụng lao động: tối đa 02 năm một lần; mỗi lần tối thiểu 08 giờ;
- b) Người lao động: 01 năm một lần; mỗi lần tối thiểu 16 giờ;

c) Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động: tối đa 01 năm một lần; mỗi lần tối thiểu 16 giờ;

d) Cán bộ an toàn, vệ sinh lao động: tối đa 03 năm một lần; mỗi lần tối thiểu 24 giờ.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, ban hành chương trình khung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; ban hành danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 32. Dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Các tổ chức dịch vụ được cung cấp dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động khi đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, giảng viên, tài liệu theo quy định của pháp luật và được chỉ định hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định và tổ chức việc chỉ định các tổ chức dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

3. Người sử dụng lao động có thể thuê các tổ chức dịch vụ huấn luyện tổ chức huấn luyện cho người lao động quy định tại khoản 2, 3 Điều 30 Luật này.

4. Chính phủ quy định quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; mức thu, quản lý và sử dụng phí huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

MỤC IV MÁY, THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Điều 33. Trách nhiệm của người sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

1. Ký hợp đồng với tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thực hiện kiểm định lần đầu, định kỳ hoặc bất thường máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

2. Khai báo trước khi đưa vào sử dụng, báo cáo việc kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động với cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hiện quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động tương ứng và các quy định khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 34. Điều kiện hoạt động của các tổ chức kiểm định

1. Tổ chức hoạt động kiểm định khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự đáp ứng các yêu cầu kiểm định của từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định.

b) Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp để thực hiện hoạt động kiểm định;

c) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định.

Điều 35. Quyền và trách nhiệm của tổ chức kiểm định

1. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có quyền:

a) Thực hiện hoạt động kiểm định theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm định;

b) Được thu phí, giá dịch vụ theo quy định của pháp luật;

c) Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi cản trở hoạt động kiểm định;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có đối tượng kiểm định cung cấp các tài liệu, thông tin phục vụ hoạt động kiểm định;

đ) Có quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm định trong phạm vi, đối tượng được chỉ định;

b) Không được từ chối cung cấp dịch vụ kiểm định mà không có lý do chính đáng;

c) Thực hiện kiểm định theo quy trình kiểm định;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, bồi thường thiệt hại do hoạt động kiểm định gây ra theo quy định của pháp luật; phải thu hồi kết quả kiểm định đã cấp khi phát hiện sai phạm;

đ) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động kiểm định theo quy định của pháp luật;

e) Lưu giữ hồ sơ kiểm định;

g) Có trách nhiệm khác theo quy định pháp luật.

Điều 36. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Đề xuất các loại máy, thiết bị, vật tư thuộc lĩnh vực quản lý đưa vào danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo phạm vi như sau:

a) Bộ Công Thương: vật liệu nổ công nghiệp; hệ thống thủy lực nâng cánh phai thủy điện; máy và thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chỉ sử dụng cho khai thác mỏ trong hầm lò;

b) Bộ Giao thông vận tải: các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động để vận hành động cơ của phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải, đường sắt, hàng không (không bao gồm các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được chuyên chở

hoặc được lắp đặt trên phương tiện vận tải để làm việc trên các công trường, kho hàng, nơi sản xuất, kinh doanh); thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chỉ phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí trên biển; hệ thống đường ống dẫn dầu, khí đốt trên biển;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ: lò phản ứng hạt nhân; buồng thử nghiệm tương thích điện từ; các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động làm việc trong lưới điện cao áp; các loại máy, thiết bị chứa nguồn phóng xạ, bức xạ;

d) Bộ Xây dựng: hệ thống giàn giáo; hệ thống cốp pha trượt; thanh, cột chống tổ hợp;

đ) Bộ Thông tin và Truyền thông: ăng ten bức xạ cao tần; máy khuếch đại công suất cao tần trong phát thanh, truyền hình;

e) Bộ Quốc phòng: các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động chuyên sử dụng cho mục đích quốc phòng, đặc thù quân sự;

g) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trừ các loại máy, thiết bị, vật tư quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 này.

2. Trên cơ sở các đối tượng thuộc phạm vi quản lý tại Khoản 1 Điều này, các Bộ xây dựng và ban hành các quy trình kiểm định, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý;

4. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, tổng hợp báo cáo gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

MỤC V

AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM NGHỀ NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ LAO ĐỘNG ĐẶC THÙ

Điều 37. An toàn vệ sinh lao động đối với công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Người sử dụng lao động phải phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

2. Người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được người sử dụng lao động thực hiện các chế độ như sau:

a) Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật;

b) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

c) Tổ chức khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần trong 6 tháng;

3. Thời giờ làm việc bình thường của người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá 06 giờ trong 01 ngày.

Điều 38. Sử dụng người lao động cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp đặc biệt có đủ các điều kiện sau:

a) Người lao động cao tuổi có kinh nghiệm, tay nghề cao với thâm niên nghề nghiệp từ đủ 15 năm trở lên; được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ nghề hoặc được công nhận là nghệ nhân theo quy định của pháp luật;

b) Người lao động cao tuổi có đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành đối với nghề, công việc;

c) Sử dụng có tính thời điểm; không quá 05 năm đối với từng người lao động;

d) Phải khám sức khỏe định kỳ ít nhất 02 lần trong một năm;

đ) Có ít nhất 01 người lao động không phải là người lao động cao tuổi cùng làm việc.

2. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các điều kiện cụ thể đối với từng trường hợp đặc biệt buộc phải sử dụng người lao động cao tuổi trong lĩnh vực, ngành, nghề thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 39. An toàn, vệ sinh lao động đối với lao động nữ

1. Không được sử dụng lao động nữ làm công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành;

2. Không được sử dụng lao động nữ làm việc ban đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa trong các trường hợp sau đây:

a) Mang thai từ tháng thứ 07 hoặc từ tháng thứ 06 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;

b) Đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

3. Lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi mang thai từ tháng thứ 07, được chuyển làm công việc nhẹ hơn hoặc được giảm bớt 01 giờ làm việc hằng ngày mà vẫn hưởng đủ lương.

Điều 40. An toàn, vệ sinh lao động đối với lao động là người chưa thành niên

1. Không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc gây tác động xấu tới sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;

2. Chỉ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm các công việc nhẹ, công việc liên quan đến nghệ thuật phù hợp với sức khỏe theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế;

3. Chỉ được sử dụng người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

4. Không được sử dụng người dưới 15 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm;

5. Khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải lập sổ theo dõi riêng và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

6. Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế.

Điều 41. An toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động là người khuyết tật

1. Chỉ được sử dụng người lao động là người khuyết tật có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Không được sử dụng lao động là người khuyết tật suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

3. Không được sử dụng lao động là người khuyết tật làm những công việc không phù hợp với sức khỏe và khả năng lao động của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành.

4. Người sử dụng lao động phải bảo đảm về điều kiện lao động, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lao động là người khuyết tật và thường xuyên chăm sóc sức khỏe của họ.

MỤC VI

AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG NÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT HỘ GIA ĐÌNH

Điều 42. Trách nhiệm tổ chức công tác an toàn, vệ sinh trong nông nghiệp

1. Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm quy định, hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng điện, máy nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc phòng chống muỗi, côn trùng, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi, trồng trọt.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, huấn luyện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật, phương pháp cấp cứu do ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân và người lao động trong sản xuất nông nghiệp.

3. Cơ quan y tế các cấp có trách nhiệm tiến hành đo đạc các yếu tố môi trường lao động để khắc phục, hạn chế các yếu tố tác hại nghề nghiệp, đề xuất các phương tiện trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp cho từng đối tượng, tổ chức khám sức khỏe

định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong sản xuất nông nghiệp, trong các làng nghề, trang trại, nông trường, lâm trường, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Các cấp chính quyền có trách nhiệm phối với các tổ chức đoàn thể xây dựng phong trào nông dân thực hiện an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng; tổ chức tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động cho nông dân, trước hết là các làng nghề, các trang trại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhiều lao động.

5. Các nhà sản xuất, cung ứng các máy, thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nông nghiệp, cơ sở sản xuất hộ gia đình có trách nhiệm cung cấp các tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, các cảnh báo an toàn, vệ sinh lao động cho các hộ gia đình và phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức tuyên truyền, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động.

Điều 43. Tuân thủ các quy định an toàn, vệ sinh lao động trong nông nghiệp, cơ sở sản xuất hộ gia đình

1. Chủ hộ gia đình có trách nhiệm tổ chức công tác an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình sản xuất của hộ gia đình và tuân thủ các quy định, hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị.

2. Người lao động có trách nhiệm tuân thủ các quy định, hướng dẫn về an toàn, vệ sinh lao động.

CHƯƠNG IV

TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 44. Tai nạn lao động

1. Tai nạn lao động là tai nạn xảy ra do tác động bởi các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong lao động gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động hoặc nhiệm vụ khác do người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền giao.

2. Tai nạn lao động được phân loại theo mức độ tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người.

3. Tất cả các vụ tai nạn lao động tại nơi làm việc đều phải được khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 45. Khai báo tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng

1. Khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng tại nơi làm việc người biết sự việc phải báo ngay cho người quản lý hoặc người sử dụng lao động.

2. Khi xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng làm bị thương từ 02 người lao động trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Khi xảy ra tai nạn chết người hoặc làm bị thương nặng người lao động không có quan hệ lao động thì gia đình nạn nhân có trách nhiệm khai báo đến Ủy ban Nhân dân cấp xã/phường.

Điều 46. Điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với đại diện công đoàn tổ chức điều tra tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động nặng làm bị thương 01 người lao động, sự cố nghiêm trọng.

2. Thanh tra an toàn, vệ sinh lao động có trách nhiệm điều tra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng làm bị thương từ 02 người lao động trở lên; điều tra lại tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng đã được người sử dụng lao động điều tra nếu có khiếu nại, tố cáo hoặc khi xét thấy cần thiết.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm hợp tác với đoàn điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan cho đoàn điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi có yêu cầu; không được từ chối hoặc gây cản trở việc đến hiện trường của các thành viên đoàn điều tra tai nạn lao động; không được gây cản trở hoặc gây trở ngại những người cung cấp thông tin hỗ trợ quá trình điều tra tai nạn lao động.

4. Trong quá trình điều tra tai nạn lao động, sự cố nghiêm trọng mà phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì thanh tra an toàn, vệ sinh lao động, người sử dụng lao động phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề nghị chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Điều 47. Khai báo, điều tra tai nạn lao động trong các lĩnh vực đặc thù

Đối với tai nạn lao động xảy ra trong các lĩnh vực đặc thù như năng lượng nguyên tử; thăm dò, khai thác dầu khí; hàng hải, hàng không; các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang thì cơ sở phải khai báo, điều tra theo quy định của cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực đó.

Điều 48. Thống kê, báo cáo tai nạn lao động

1. Người sử dụng lao động phải mở sổ thống kê tai nạn lao động và định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

2. Ủy ban Nhân dân xã/phường tổ chức thống kê các vụ tai nạn lao động quy định tại Khoản 3 Điều 44 và định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo cơ quan chuyên môn quản lý lao động cấp quận/huyện/thị xã.

3. Ủy ban Nhân dân cấp quận/huyện/thị xã tổ chức thống kê tai nạn lao động do cấp xã/phường báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều này và định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo cơ quan chuyên môn quản lý lao động cấp tỉnh.

4. Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đặc thù nêu tại Điều 47 có trách nhiệm báo cáo nhanh các vụ tai nạn lao

động chết người thuộc thẩm quyền điều tra về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong vòng 48 giờ kể từ khi tai nạn xảy ra.

Điều 49. Bệnh nghề nghiệp

1. Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

2. Danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

3. Người bị bệnh nghề nghiệp phải được điều trị chu đáo, khám sức khỏe định kỳ, có hồ sơ sức khỏe riêng biệt.

Điều 50. Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Cấp cứu kịp thời người bị tai nạn lao động

2. Thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động.

3. Trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị.

4. Đối với người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà người sử dụng lao động chưa đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội, thì được người sử dụng lao động trả khoản tiền tương ứng với chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

5. Bồi thường cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên với mức như sau:

a) Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động nếu bị suy giảm từ 5,0% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1,0% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b) Ít nhất 30 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động;

6. Người sử dụng lao động tham gia Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì được Quỹ thanh toán các chi phí quy định tại Khoản 2 Khoản 3, Khoản 5 Điều này.

Điều 51. Thống kê, báo cáo về bệnh nghề nghiệp

1. Người sử dụng lao động phải lập hồ sơ sức khỏe đối với người lao động bị bệnh nghề nghiệp và định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế, lao động.

2. Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết thủ tục, trình tự thống kê, báo cáo bệnh nghề nghiệp.

CHƯƠNG V

CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 52. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại

1. Người sử dụng lao động phải tổ chức kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại, bao gồm:

a) Kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, có hại; đề ra các biện pháp loại trừ, giảm thiểu các mối nguy hiểm, có hại;

b) Tổ chức đo lường các yếu tố có hại ít nhất 01 lần trong một năm bởi các tổ chức dịch vụ giám sát môi trường lao động; lập hồ sơ lưu giữ và theo dõi theo quy định pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng, khi hết giờ làm việc;

d) Lưu giữ, bảo quản kết quả đo kiểm tra môi trường lao động.

2. Việc đo, kiểm tra môi trường lao động phải được thực hiện bởi đơn vị có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đo kiểm, phân tích và nhân lực có chuyên môn phù hợp với loại hình xét nghiệm, giám sát môi trường lao động, sức khỏe lao động, bệnh nghề nghiệp và có năng lực thực hiện các xét nghiệm đo, kiểm tra môi trường lao động.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết việc đo lường các yếu tố có hại và tổ chức các biện pháp khử độc, khử trùng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 53. Cải thiện điều kiện lao động

1. Người sử dụng lao động phải không ngừng cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc.

2. Người sử dụng lao động phải tổ chức thực hiện cải thiện điều kiện lao động ngay sau khi:

a) Kết quả đo lường các yếu tố có hại vượt ngưỡng cho phép;

b) Phát hiện nguy cơ gây mất an toàn, vệ sinh lao động.

3. Người sử dụng lao động phải có các biện pháp ứng dụng khoa học kỹ thuật, phương pháp tổ chức khoa học, tiên tiến để cải thiện điều kiện lao động.

4. Người sử dụng lao động phải xây dựng cơ chế và tổ chức thực hiện việc khuyến khích người lao động tham gia cải thiện điều kiện lao động.

Điều 54. Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại

1. Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật.

2. Nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật:

a) Bảo đảm thuận tiện, vệ sinh;

- b) Giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể;
 - c) Thực hiện trong ca làm việc, trừ các trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ;
 - d) Nghiêm cấm việc trả tiền thay cho việc bồi dưỡng bằng hiện vật.
3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể việc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật.

Điều 55. Chăm sóc sức khỏe người lao động

1. Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại công việc để tuyển dụng và sắp xếp lao động.
2. Hàng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề; lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản; người làm công việc nặng nhọc, độc hại, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi phải được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.
3. Người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp phải được khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.
4. Người lao động sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu còn tiếp tục làm việc, thì được sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa lao động.
5. Người sử dụng lao động phải quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động và hồ sơ theo dõi tổng hợp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 56. Phục hồi chức năng lao động và tái thích ứng lao động

1. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được giám định y khoa để xếp hạng thương tật, xác định mức độ suy giảm khả năng lao động và được điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động đúng theo quy định của pháp luật.
2. Người lao động được hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp sau khi bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp phải chuyển nghề.

CHƯƠNG VI

QUỸ BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 57. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là Quỹ do người sử dụng đóng góp để thay người sử dụng lao động và Quỹ bảo hiểm xã hội trong việc chi trả các khoản trợ cấp, chi phí cho tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

2. Quỹ hoạt động trên cơ sở thống nhất nguyên tắc quản lý với Quỹ bảo hiểm xã hội hiện hành

3. Người sử dụng lao động tham gia đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì không phải đóng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Quỹ bảo hiểm xã hội.

Điều 58. Mức đóng, nguồn hình thành và sử dụng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Quỹ bồi thường tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp do người sử dụng lao động đóng với mức như sau:

a) Mức đóng lần đầu bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội;

b) Mức đóng các năm tiếp theo căn cứ sẽ tăng, giảm theo tỷ lệ tương ứng với tổng chi phí cho tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động thuộc trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động, nhưng mức đóng tối thiểu là 0,2 % tổng quỹ lương và tối đa là 5% quỹ tiền lương.

Chính phủ quy định cụ thể mức đóng theo nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của từng ngành nghề.

2. Nguồn hình thành Quỹ bồi thường tai nạn lao động bao gồm:

a) Các khoản đóng theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ;

c) Nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được sử dụng như sau:

a) Chi trả các khoản trợ cấp từ bảo hiểm xã hội cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, bao gồm:

b) Chi trả các khoản chi phí mà người sử dụng lao động phải trả cho người lao động có tham gia Quỹ theo quy định tại Khoản 6 Điều 50 của Luật này

c) Hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (không quá 10% số thu của Quỹ trong năm);

d) Hỗ trợ chi phí phục hồi chức năng lao động và học nghề để tái thích ứng nghề nghiệp;

đ) Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng Quỹ.

Điều 59. Tiền lương làm căn cứ đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội. Trường hợp mức tiền lương tháng đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cao hơn hai mươi tháng lương cơ sở thì

mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp bằng hai mươi tháng lương cơ sở tại thời điểm đóng bảo hiểm thất nghiệp.

2. Người lao động đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội. Trường hợp mức tiền lương tháng đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cao hơn hai mươi tháng lương tối thiểu vùng thì mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp bằng hai mươi tháng lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật lao động tại thời điểm đóng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp..

Điều 60. Quản lý Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạch toán độc lập. Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện việc thu, chi Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Hoạt động đầu tư từ Quỹ phải bảo đảm an toàn, minh bạch, hiệu quả và thu hồi được khi cần thiết, thông qua các hình thức sau:

- a) Mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của Nhà nước; trái phiếu của ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ;
- b) Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Cho ngân sách nhà nước, Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ vay.

3. Các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động là hoạt động phi lợi nhuận, đảm bảo minh bạch và hiệu quả qua các hình thức sau:

- a) Các hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện, tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động;
- b) Đầu tư nâng cấp các cơ sở phục hồi chức năng lao động cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- c) Đầu tư nâng cấp các Trung tâm huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cấp quốc gia;
- d) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoặc có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn vệ sinh lao động;
- đ) Hỗ trợ các triển khai các phương án cải thiện điều kiện lao động
- e) Điều tra, thống kê tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

a) Hội đồng quản lý Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp do Chính phủ thành lập, có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư và hỗ trợ phòng ngừa nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này.

b) Hội đồng gồm đại diện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và một số thành viên khác do Chính phủ quy định.

c) Hội đồng quản lý có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

d) Quy chế làm việc của Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quy định.

đ) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Quyết định các hình thức hoạt động đầu tư và hỗ trợ phòng ngừa nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này theo đề nghị của Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động;

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động

5. Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng Quỹ bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 61. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Quản lý các tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động (kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa đặc thù an toàn, vệ sinh lao động; tư vấn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; lắp đặt các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động...).

4. Quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ về an toàn, vệ sinh lao động.

7. Hợp tác quốc tế về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 62. Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương.

Điều 63. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các văn bản** quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động; tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

d) Hướng dẫn và quản lý việc tổ chức huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

đ) Hướng dẫn thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở lao động;

e) Xây dựng nội dung, chương trình giảng dạy an toàn, vệ sinh lao động trong các trường và cơ sở dạy nghề; đào tạo cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động;

g) Triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học về an toàn, vệ sinh lao động;

h) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện khai báo, thống kê, báo cáo, điều tra tai nạn lao động; phối hợp với Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra, xử lý các vụ tai nạn lao động có dấu hiệu tội phạm;

i) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

k) Quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, huấn luyện, kiểm định về an toàn, vệ sinh lao động; lắp đặt các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

l) Quản lý các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động;

m) Hợp tác quốc tế về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật** về chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại nghề, công việc;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, ban hành danh mục các loại bệnh nghề nghiệp; tổ chức điều tra bệnh nghề nghiệp;

c) Hướng dẫn, quản lý việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe khi tuyển dụng, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; giám định y khoa để xếp hạng thương tật, điều trị và phục hồi chức năng lao động đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tổ chức và huấn luyện cho lực lượng cấp cứu tại chỗ; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động;

d) Hợp tác quốc tế về chăm sóc sức khỏe lao động.

3. Bộ Khoa học Công nghệ có trách nhiệm:

a) Quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Quy định, hướng dẫn, quản lý về an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức xây dựng nội dung, chương trình, giáo dục và đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động trong các cơ sở giáo dục, đào tạo.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền** các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động không có quan hệ lao động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn;

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện, hướng dẫn, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc hướng dẫn điều tra tai nạn lao động đối với người lao động không có quan hệ lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với điều kiện làm việc đối với người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục thể thao.

7. Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và huấn luyện, tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

8. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn, ban hành quy định cơ cấu, tổ chức bộ máy, biên chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động ở trung ương và địa phương.

9. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn, quản lý, triển khai việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) **Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền** các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong các lĩnh vực vô tuyến điện, thông tin, điện tử;

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với lĩnh vực vô tuyến điện, thông tin, điện tử;

d) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng đặc thù thuộc thẩm quyền.

10. Bộ Công thương có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền** các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong các lĩnh vực khai thác mỏ, vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất, sản xuất, truyền tải điện, dầu khí.

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với lĩnh vực khai thác mỏ, dầu khí, sản xuất, truyền tải điện, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng đặc thù thuộc thẩm quyền.

11. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các văn bản** quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng;

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với lĩnh vực xây dựng công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng đặc thù thuộc thẩm quyền.

12. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các** văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong các lĩnh vực vận tải đường thủy, đường sắt, đường không.

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với các lĩnh vực vận tải đường thủy, đường sắt, đường không và các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng đặc thù thuộc thẩm quyền.

13. Bộ Tài nguyên - Môi trường có trách nhiệm:

a) **Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền** các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động trong các lĩnh vực khảo sát, thăm dò khoáng sản;

b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với các lĩnh vực khảo sát, thăm dò, khai thác mỏ và các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động đối với đối tượng đặc thù thuộc thẩm quyền.

14. Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp cùng với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về vấn đề bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

15. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 64. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương theo quy định sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về an toàn, vệ sinh lao động; quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Chỉ định các tổ chức hoạt động kiểm định, huấn luyện, tư vấn an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động ở trung ương về tình hình hoạt động an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

g) Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Giải quyết theo thẩm quyền các nhiệm vụ quản lý an toàn, vệ sinh lao động được phân công và các vấn đề khác có liên quan về an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động cho các đối tượng lao động trong sản xuất nông nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ, hộ gia đình theo quy định của pháp luật;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình hoạt động an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN VÀ XÃ HỘI HÓA CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 65. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức công đoàn

1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng văn bản pháp luật, chế độ chính sách, tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Tham gia xây dựng, chỉ đạo thực hiện Chương trình an toàn, vệ sinh lao động; Tuân lễ quốc gia an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ; điều tra tai nạn lao động cấp trung ương;

c) Tổ chức và chỉ đạo phong trào quần chúng làm công tác bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động; tuyên truyền, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên ở cơ sở;

d) Khen thưởng và xử lý vi phạm về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt nam;

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn cấp trên cơ sở

a) Tổ chức và chỉ đạo phong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; tuyên truyền, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên ở cơ sở;

b) Tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp về an toàn, vệ sinh lao động và điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Luật Công đoàn;

3. Trách nhiệm, quyền hạn của công đoàn cơ sở:

a) Đại diện cho người lao động, bảo vệ quyền của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động trước người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật; yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc đối với người lao động;

b) Tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, nội quy về an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng phong trào bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp, đơn vị; xây dựng và duy trì hoạt động của mạng lưới an toàn và vệ sinh viên;

c) Tham gia với người sử dụng lao động xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động, các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

d) Tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công đoàn và mạng lưới an toàn, vệ sinh viên;

đ) Tham gia điều tra tai nạn lao động thuộc trách nhiệm của cơ sở;

e) Ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có quyền, trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động trước người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật khi được người lao động ở đó yêu cầu.

Điều 66. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội nông dân Việt Nam

1. Tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng văn bản pháp luật, chế độ chính sách về an toàn, vệ sinh lao động đối với người nông dân; giám sát việc thực hiện các chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người nông dân; điều tra tai nạn lao động khi người bị nạn là hội viên nông dân.

2. Phối hợp với bộ, ngành liên quan tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người nông dân;

3. Có trách nhiệm chỉ đạo các tỉnh, thành hội xây dựng kế hoạch hoạt động và tuyên truyền, vận động người nông dân thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 67. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức đại diện người sử dụng lao động

1. Tổ chức đại diện người sử dụng lao động tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng pháp luật, chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động và Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Tham gia kiểm tra, giám sát việc quản lý Nhà nước, việc thi hành các quy định, chế độ chính sách về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

3. Tham gia xây dựng chỉ đạo thực hiện Chương trình an toàn, vệ sinh lao động, Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

4. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các hoạt động cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 68. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội khác, tổ chức xã hội nghề nghiệp

1. Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan tham gia cùng với các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động, gồm:

a) Tham gia nghiên cứu khoa học, đề xuất với cơ quan nhà nước giải pháp chăm lo cải thiện điều kiện lao động, phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn và bảo vệ sức khỏe người lao động; tham gia các chương trình về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Tham gia ý kiến tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong việc xây dựng chế độ chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động của các cơ quan nhà nước;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động;

d) Tham gia tổ chức, vận động quần chúng thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Hội Khoa học kỹ thuật An toàn, vệ sinh lao động Việt Nam có đại diện tham gia vào Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 69. Cơ chế phối hợp về an toàn, vệ sinh lao động

1. Nội dung phối hợp:

a) Chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động;

b) Chương trình quốc gia, Hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Công tác điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

d) Công tác tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Khen thưởng về an toàn, vệ sinh lao động;

e) Công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Cơ chế phối hợp:

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan trong công tác xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật; Chương trình quốc gia; Hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động; Tuần lễ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ; tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện; các chương trình, dự án liên quan về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động các cấp phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác trong công tác an toàn, vệ sinh lao động theo lĩnh vực có liên quan.

c) Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác điều tra về tai nạn lao động; công tác

khen thưởng và công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực đặc thù, chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý.

d) Người sử dụng lao động phối hợp với đại diện người lao động trong doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động; thực hiện ký kết thỏa ước lao động tập thể, ký cam kết thi đua về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 70. Khuyến khích sự tham gia của tổ chức, cá nhân, người lao động vào hoạt động an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp

1. Nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp các dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Người sử dụng lao động phải phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở xây dựng cơ chế thúc đẩy người lao động tham gia hoạt động an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao văn hóa an toàn lao động.

3. Người sử dụng lao động có biện pháp khuyến khích người lao động chủ động tham gia các hoạt động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động và môi trường lao động.

CHƯƠNG IX

THANH TRA, KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 71. Thanh tra về an toàn, vệ sinh lao động

1. Thanh tra về an toàn, vệ sinh lao động là thanh tra chuyên ngành. Thanh tra an toàn, vệ sinh lao động do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, ngành Y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Chính phủ quy định việc phối hợp giữa các lực lượng thanh tra an toàn, vệ sinh lao động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ với một số lực lượng khác trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 72. Nội dung thanh tra về an toàn, vệ sinh lao động

1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động, người lao động và các tổ chức khác liên quan.

2. Thanh tra các tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện, kiểm định, chứng nhận hợp quy về an toàn, vệ sinh lao động về điều kiện tổ chức hoạt động và việc chấp hành các quy định pháp luật đối với các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

3. Điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và những vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Tham gia hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện lao động, an toàn, vệ sinh lao động và tư vấn về các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

5. Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Lực lượng thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động

1. Lực lượng thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động bao gồm thanh tra lao động và công chức thuộc các Cục, Tổng cục, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, ngành Y tế và các ngành khác.

2. Cán bộ thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động phải có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành kỹ thuật, được tập huấn nghiệp vụ và cấp thẻ thanh tra chuyên ngành.

3. Việc thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động trong các lĩnh vực: phóng xạ, thăm dò, khai thác dầu khí, các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường hàng không được thực hiện với sự tham gia phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

4. Việc thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện với sự phối hợp của thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động.

5. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động là các cơ quan quản lý nhà nước cấp Cục, Tổng cục và tương đương ở các Bộ, cơ quan ngành Bộ.

6. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động ở các địa phương là các bộ phận chuyên môn thuộc cơ quan quản lý nhà nước về lao động, y tế, lĩnh vực đặc thù ở địa phương.

7. Thủ trưởng các đơn vị được quy định tại khoản 5, khoản 6 điều này có nhiệm vụ và quyền hạn đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động, gồm:

- a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra chuyên ngành;
- b) Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của Bộ trưởng, Chánh thanh tra Bộ, Giám đốc Sở và phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra;
- c) Quyết định thành lập các đoàn thanh tra;
- d) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Trách nhiệm kiểm tra nhà nước an toàn, vệ sinh lao động

1. Cơ quan quản lý an toàn, vệ sinh lao động thuộc Ngành lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ quản lý ngành thực hiện việc kiểm tra nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của Luật này.

2. Cơ quan quản lý an toàn, vệ sinh lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc kiểm tra nhà nước về an toàn vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong trường hợp kiểm tra liên ngành về an toàn vệ sinh lao động liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều ngành hoặc địa phương, cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để thực hiện.

4. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ quản lý ngành và sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ quản lý ngành và sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Hoạt động kiểm tra an toàn vệ sinh lao động phải bảo đảm nguyên tắc:

- a) Khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử;
- b) Bảo vệ bí mật thông tin, tài liệu, kết quả kiểm tra liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức;
- c) Không được sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, kết luận có liên quan.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quản lý ngành quy định cụ thể về hoạt động kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi quản lý nhà nước được phân công.

Điều 75. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan quản lý an toàn vệ sinh lao động có các quyền sau đây trong kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động:

- a) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất;
- b) Cảnh báo nguy cơ không bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và tư vấn về các biện pháp phòng ngừa;
- c) Xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;
- d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định của đoàn kiểm tra, hành vi của thành viên đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan quản lý an toàn, vệ sinh lao động có nhiệm vụ sau đây:

- a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;
- b) Tiếp nhận các ý kiến phản ánh, tố cáo các hành vi vi phạm;
- c) Ra quyết định xử lý chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn kiểm tra về việc tạm đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh, niêm phong máy, thiết bị, tạm dừng hoạt động của máy, thiết bị.

Điều 76. Đoàn kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra do Thủ trưởng cơ quan quản lý an toàn, vệ sinh lao động quyết định thành lập trên cơ sở chương trình, kế hoạch kiểm tra đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra đột xuất.

2. Trong quá trình kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động, đoàn kiểm tra có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xuất trình các tài liệu liên quan và xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra theo quy định; cung cấp bản sao các tài liệu quy định tại khoản này khi cần thiết;
- b) Lấy mẫu để kiểm nghiệm khi cần thiết;
- c) Niêm phong máy, thiết bị;
- d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về điều kiện tương ứng có biện pháp khắc phục, sửa chữa;
- đ) Kiến nghị cơ quan quản lý an toàn, vệ sinh lao động xử lý theo thẩm quyền quy định của Luật này;
- e) Bảo đảm nguyên tắc kiểm tra quy định của Luật này khi tiến hành kiểm tra;
- g) Báo cáo chính xác và kịp thời kết quả kiểm tra cho cơ quan quản lý an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 77. Kiểm tra viên An toàn, vệ sinh lao động

1. Kiểm tra viên an toàn, vệ sinh lao động là công chức được bổ nhiệm vào ngạch kiểm tra viên an toàn, vệ sinh lao động.

2. Tiêu chuẩn, chế độ và việc bổ nhiệm kiểm tra viên an toàn, vệ sinh lao động do Chính phủ quy định.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 78. Hiệu lực thi hành

- 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.
- 2. Các Điềucủa Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

3. Người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động lao động được áp dụng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động tại Luật này như đối với người lao động có quan hệ lao động.

4. Các quy định về an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Luật này được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân, từ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến từng đối tượng này có quy định khác.

Điều 79. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

1. Chính phủ, các bộ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này.

2. Chính phủ ban hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và trong khu vực kinh tế hộ gia đình.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 6 năm 2015.